

Bản án số: 319/2025/DS-PT

Ngày 22-8-2025

V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần và bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2025/TLPT-DS ngày 04/6/2025, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 318/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H; địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk); ông M và bà H có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H2; địa chỉ: phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn M1 và bà Lê Thị H1; địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk); ông M1 có mặt, bà H1 vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Quốc T và bà Huỳnh Thị T1; địa chỉ: Phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là phường G, tỉnh Lâm Đồng); đều vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk); có mặt.

*** Người kháng cáo:** Ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn là ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H trình bày:***

Ngày 18/3/2013 vợ chồng ông bà (Mai Văn M – Phùng Thị H) nhận chuyển nhượng thửa đất 141, tờ bản đồ số 60, diện tích 5.448m², tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk của ông Phạm Nhật K, bà Hồ Thị H3. Thửa đất 141 được tách từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 60, diện tích 10.460m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 519652 của ông K và bà H3. Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, ông bà đã được UBND huyện Krông Năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 603123 ngày 14/5/2013 mang tên ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H. Ông bà quản lý sử dụng ổn định thửa đất không tranh chấp với ai. Ranh giới ban đầu của thửa đất gia đình ông với thửa đất gia đình ông Nguyễn Văn M1 và bà Lê Thị H1 sử dụng là hàng rào trụ bê tông kẽm gai. Đến năm 2017, vợ chồng ông bà phát hiện ông M1, bà H1 tháo dỡ hàng rào, lấn chiếm 01 phần thửa đất có diện tích khoảng 132m². Tứ cận phần đất tranh chấp: Phía Đông giáp đường nhựa kích thước 50 cm (điểm đầu phần đất lấn chiếm); Phía Tây giáp thửa đất số 141 kích thước 50 cm (điểm cuối phần đất lấn chiếm); Phía Bắc giáp thửa đất số 141 kích thước 132 m (điểm giữa phần đất lấn chiếm); Phía Nam giáp thửa đất số 140 (của ông M1) kích thước 132 m (điểm giữa phần đất lấn chiếm).

Sau khi phát hiện sự việc thì ông bà đã báo chính quyền địa phương giải quyết và lập biên bản hòa giải tranh chấp đất đai. Sau đó chuyển Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết. Quá trình Tòa án giải quyết thì các bên tự thỏa thuận giữ nguyên diện tích ban đầu nên ông bà đã rút đơn khởi kiện.

Đến tháng 12/2023, gia đình ông M1 xây dựng một phần móng nhà trên phần đất lấn chiếm nên ông bà tiếp tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M1, bà Lê Thị H1 phải trả cho ông bà diện tích đất lấn chiếm. Tại đơn khởi kiện ông bà yêu cầu trả lại diện tích đất lấn chiếm là khoảng 132m². Theo kết quả đo đạc thực hiện tháng 12/2024 xác định diện tích đất lấn chiếm là 102,8m². Tuy nhiên, ông bà xác định kết quả đo đạc này là không khách quan, vì đã xác định sai vị trí đất tranh chấp và vị trí mốc ranh giới các thửa đất liên quan đến tranh chấp. Vì vậy phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn M1 và bà Lê Thị H1 phải trả cho ông bà diện tích đất 132m², đồng thời yêu cầu Tòa án tạm dừng phiên tòa, để phía nguyên đơn yêu cầu tiến hành đo đạc lại, để xác định đúng diện tích đất lấn chiếm.

**** Bị đơn ông Nguyễn Văn M1, bà Lê Thị H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày:***

Ngày 18/3/2013, vợ chồng ông bà Nguyễn Văn M1 - Lê Thị H1 nhận chuyển nhượng của ông Phạm Nhật K, bà Hồ Thị H3 thửa đất 140, tờ bản đồ số 60, diện tích 4.723,2m², địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất 140 của

ông M1 với thửa đất 141 của vợ chồng ông Mai Văn M được tách từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 60, diện tích 10.460m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R519652 của ông K, bà H3. Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng thì ông M1 và bà H1 đã được UBND huyện Krông Năng cấp giấy chứng nhận QSD đất số BN603122 ngày 14/5/2013 mang tên ông Nguyễn Văn M1 và bà Lê Thị H1.

Khi thực hiện việc chuyển nhượng thì các bên gồm ông K, ông M, ông M1 đã nhờ người tiến hành đo đạc cắm 03 cọc bê tông để làm ranh giới giữa hai thửa đất. Sau khi nhận chuyển nhượng thì các bên quản lý sử dụng ổn định không có tranh chấp. Hiện nay phía bị đơn vẫn sử dụng đất theo đúng diện tích và ranh giới đã được xác định khi nhận chuyển nhượng đất. Việc ông M và bà H cho rằng phía bị đơn lấn chiếm đất là không có căn cứ, bởi vì hiện nay gia đình ông M1 vẫn sử dụng đất theo đúng ranh giới mà các bên đã xác định khi nhận chuyển nhượng, đồng thời theo kết quả đo đạc thì diện tích đất thực tế mà hiện nay phía ông M đang sử dụng là lớn hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Còn diện tích đất thực tế mà gia đình ông M1 đang sử dụng (Bao gồm cả phần diện tích đang tranh chấp) là nhỏ hơn diện tích đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Việc ông M và bà H cho rằng phía ông M1 lấn chiếm đất là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu tạm dừng phiên tòa để đo đạc lại của phía nguyên đơn thì bị đơn không chấp nhận, bởi vì việc đo đạc đã được thực hiện nhiều lần, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn nhiều lần vắng mặt, nhằm mục đích kéo dài vụ việc. Năm 2023 phía bị đơn tiến hành xây dựng nhà, nhưng do tranh chấp nên hiện nay vẫn chưa thể thực hiện được việc xây dựng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía bị đơn. Vì vậy, phía bị đơn yêu cầu Tòa án không tạm dừng phiên tòa mà tiếp tục việc xét xử.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc T vắng mặt, bà Huỳnh Thị T1 trình bày:***

Vào đầu năm 2005 vợ chồng bà (Ông Nguyễn Quốc T và bà Huỳnh Thị T1 nhận chuyển nhượng thửa đất số 83a, tờ bản đồ số 10, diện tích 14.070m² của ông Trịnh Văn T2, bà Trịnh Thị H4. Đến ngày 15/6/2007, vợ chồng bà giao đủ tiền thì các bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chứng thực của UBND xã Ea Tân. Ngày 10/7/2007, thì UBND huyện Krông Năng cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Quốc T, bà Huỳnh Thị T1. Tại thời điểm đó ông M, ông M1 chưa nhận chuyển nhượng đất của hộ ông K. Thời điểm đó đất vẫn đang đứng tên ông K, bà H3. Ranh giới giữa thửa đất của bà với thửa đất ông K, bà H3 lấy hàng muông hiện tại đang còn làm chuẩn. Phần đất ông K, bà H3 sử dụng tính từ hàng muông vào 1m có bờ rào dâu tằm. Các bên sử dụng ổn định không có tranh chấp. Khi ông K chuyển nhượng đất cho ông M, ông M1 thì bà có ký giáp ranh cho ông K để ông K chuyển nhượng cho ông M, ông M1. Các bên xác định ranh giới từ hàng muông cách ra 1m là thửa đất của ông K. Sau khi ông M, ông M1 nhận

chuyển nhượng thì ranh giới giữa gia đình bà với đất ông M, ông M1 sử dụng ổn định không có tranh chấp, có hàng rào cọc bê tông làm ranh giới. Khi bà làm hàng rào giữa các bên không có tranh chấp gì. Việc ông M cho rằng gia đình bà lấn qua đất ông M1 nên dẫn đến ông M1 lấn qua đất ông M là không có căn cứ, vì hàng rào lưới B40 làm ranh giới từ trước tới nay vẫn còn tồn tại không ai thay đổi. Về ranh giới phía Nam thửa đất của ông bà theo kết quả đo đạc có đoạn gấp khúc, không thẳng như ranh giới theo bản đồ là do ngoài diện tích đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 2007 thì ông bà có nhận chuyển nhượng thêm một phần đất có chiều ngang 2m, chiều dài khoảng 30m. Do khi đo đạc người đại diện của bà không biết nên đã chỉ dẫn mốc của cả phần đất ngoài diện tích được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Việc tranh chấp đất giữa ông M với ông M1 không liên quan đến gia đình bà, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ vào 2 và khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 165, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26, 31, 235, 236 Luật đất đai 2024; các Điều 166, 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H, về việc: Yêu cầu ông Nguyễn Văn M1 và bà Lê Thị H1 trả lại diện tích đất 132m² (Diện tích đo đạc thực tế là 102,8m²). Vị trí, diện tích của phần đất không chấp nhận yêu cầu khởi kiện được xác định theo bản sao kết quả Trích lục địa chính thửa đất ngày 17/12/2024, của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật trắc địa Sài Gòn đính kèm bản án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/4/2025 nguyên đơn Mai Văn M và bà Phùng Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M1 và bà Lê Thị H1 trả lại diện tích 132m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thủ tục tố tụng: Ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về yêu cầu tiến hành đo đạc lại tài sản tranh chấp: Nguyên đơn ông M, bà H cho rằng diện tích đất tranh chấp là 132 m², chứ không phải 102,8 m² như kết quả đo đạc nên yêu cầu cấp phúc thẩm tiến hành đo đạc lại diện tích đất tranh chấp. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ở tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã hai lần yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm thuê đơn vị kỹ thuật để tiến hành đo đạc đối với diện tích đất tranh chấp. Các lần đo đạc đều có mặt bị đơn chứng kiến và chỉ dẫn mốc ranh giới. Bên cạnh đó, đơn vị đo đạc lần thứ 2 do phía nguyên đơn chỉ định. Sau khi đo đạc nguyên đơn đã nhận được kết quả nhưng không có ý kiến gì. Vì vậy, nguyên đơn cho rằng kết quả đo đạc không khách quan và yêu cầu đo đạc lại là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, thì thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất:

Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 60, tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được tách từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 60, diện tích 10.460m² được UBND huyện Krông Năng cấp cho ông Phạm Nhật K, bà Hồ Thị H3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 519652. Sau khi ông K, bà H3 chuyển nhượng thửa đất số 141 nêu trên cho ông Mai Văn M, bà Phùng Thị H thì UBND huyện Krông Năng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 603123 ngày 14/5/2013 mang tên ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H, diện tích 5.448m².

Thửa đất số 140, tờ bản đồ số 60, tại thôn Thống Nhất, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được tách từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 60 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R519652 của ông K, bà H3. Sau ông K, bà H3 chuyển nhượng thửa đất số 141 nêu trên cho ông Nguyễn Văn M1, bà Lê Thị H1 thì UBND huyện Krông

Năng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN603122 ngày 14/5/2013 mang tên ông Nguyễn Văn M1 và bà Lê Thị H1, diện tích 4.723,2m²

[2.2] Xét diện tích đất tranh chấp:

Diện tích đất tranh chấp có vị trí: phía Bắc và phía Tây giáp thửa đất số 141 của ông M, bà H; phía Nam giáp thửa đất số 140 của ông M1, bà H1; phía Đông giáp đường nhựa. Theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật trắc địa Sài Gòn – Chi nhánh Đắk Lắk thì diện tích tranh chấp là 102,8m². Do đó, nguyên đơn kháng cáo cho rằng diện tích đất tranh chấp 132 m² là không có cơ sở, mà cần xác định diện tích đất tranh chấp là 102,8m².

Theo kết quả lồng ghép hiện trạng sử dụng với diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì:

- Diện tích đất thực tế mà hộ ông M đang sử dụng là 5.904,4m², lớn hơn diện tích đất mà hộ ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 456,4m²; diện tích đất thực tế mà hộ ông M1 đang sử dụng là 4.680,3m², bao gồm cả 102,8m² đất đang tranh chấp; như vậy, diện tích đất thực tế hộ ông M1 đang sử dụng nhỏ hơn diện tích đất ôn Mỹ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 42,7m².

- Đối chiếu ranh giới thửa đất theo kết quả lồng ghép bản đồ cũ và bản đồ mới với ranh giới thực tế thì phần đất tranh chấp hoàn toàn nằm ngoài ranh giới thửa đất 141 mà hộ ông M1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm trong thửa đất số 140. Phần diện tích đất mà hộ ông M1 đang thực tế sử dụng (bao gồm cả phần đất đang tranh chấp) hoàn toàn nằm trong ranh giới của thửa đất 140 mà ông M1 được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo bản đồ giải thửa. Ranh giới đất thực tế giữa đất hộ ông Nguyễn Quốc T với ranh giới đất ông M1 và ranh giới đất giữa hộ ông Trương với hộ ông M (Phần phía sau đất ông M1) cơ bản trùng khớp.

- Nguyên đơn cho rằng do vợ chồng ông Nguyễn Quốc T lấn qua đất ông M1 dẫn đến ông M1 lấn qua đất của nguyên đơn; tuy nhiên, theo kết quả lồng ghép bản đồ thì ranh giới thực tế của thửa đất mà hộ ông Trương đang sử dụng tại phần tiếp giáp với đất ông M1 và phần tiếp giáp với đất ông M là hoàn toàn trùng khớp với ranh giới thửa đất theo bản đồ giải thửa.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy kháng cáo của nguyên đơn về việc đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại diện tích 132m² cho nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ vào 2 và khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 165, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26, 31, 235, 236 Luật đất đai 2024; các Điều 166, 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

[2.1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H, về việc: Yêu cầu ông Nguyễn Văn M1 và bà Lê Thị H1 trả lại diện tích đất 132m² (Diện tích đo đạc thực tế là 102,8m²). Vị trí, diện tích của phần đất không chấp nhận yêu cầu khởi kiện được xác định theo bản sao kết quả Trích lục địa chính thửa đất ngày 17/12/2024, của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật trắc địa Sài Gòn đính kèm bản án.

[2.2] Về chi phí tố tụng: Ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), đã chi phí xong tại tòa án.

[2.3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) tiền nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo Biên lai thu số AA2022/0002505 ngày 10/01/2024. Hoàn trả cho ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Mai Văn M và bà Phùng Thị H đã nộp theo biên lai thu lần lượt số AA/2023/0012124 và AA/2023/0012125 ngày 25/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Văn Hồng